

PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG - THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN

*Legal regulations concerning thrift practice and prevention waste in the
management and use of public welfare facilities - current situation and
directions for improvement*

Nguyễn Hoàng Long^{(1)*}, Trương Thị Ánh Dương⁽¹⁾, Nguyễn Thị Mỹ Duyên⁽²⁾

⁽¹⁾Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

⁽²⁾Trường Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những mục tiêu quan trọng và trong đó, việc quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng một cách hiệu quả đóng vai trò không nhỏ trong việc thực hiện mục tiêu này. Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích, bài viết cung cấp một cách khái quát về các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng. Đồng thời, chỉ ra những bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng để qua đó đề ra phương hướng hoàn thiện đối với vấn đề này.

Từ khóa: thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; công trình phúc lợi công cộng.

ABSTRACT

Practicing thrift and waste prevention are among the key national objectives, in which the efficient management and utilization of public welfare facilities play a significant role. Through a combination of synthesis and legal analysis, this article provides an overview of the current legal provisions governing thrift practice and waste prevention in the context of managing and utilizing public welfare facilities. It also identifies limitations and inconsistencies within the legal framework and its practical implementation, thereby proposing recommendations for legal reform and improved practice in this area.

Keywords: Thrift practice; waste prevention, public welfare facilities.

Đặt vấn đề

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng (PLCC) là một trong những mục tiêu quan trọng được ghi nhận tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng hiệu quả các công trình PLCC sẽ giúp ngân sách nhà nước (NSNN) tránh bị thất thoát và ngoài ra đảm bảo các công trình này sẽ phục vụ một cách tốt nhất đối với đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, thực tế hiện nay việc quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng tại nhiều địa phương vẫn chưa được

*Tác giả liên hệ: nguyenhoanglong0132000@gmail.com

thực hiện đúng quy định, chưa hiệu quả thậm chí sử dụng sai mục đích dẫn đến lãng phí nguồn lực NSNN. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả tập trung phân tích các quy định liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC và qua đó đưa ra những đề xuất mang tính tham khảo nhằm hoàn thiện pháp luật đối với vấn đề này.

1. Khái quát về công trình phúc lợi công cộng

Để hiểu được vai trò của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC thì vấn đề đầu tiên cần được làm rõ đó là về định nghĩa của công trình PLCC. Hiện nay, chưa có định nghĩa cụ thể liên quan đến công trình PLCC, xét về mặt ngữ nghĩa, ta có “công trình” được hiểu là một sản phẩm được xây dựng bởi con người theo một kỹ thuật phức tạp (Nguyễn Tôn Nhan, Phú Văn Hãn, 2013, tr. 235). “phúc lợi” trong trường hợp này có thể được hiểu là một chính sách mà con người được hỗ trợ thông qua việc trợ cấp hoặc các dịch vụ công có liên quan (吉村公夫, 2009). Và cuối cùng là nghĩa của từ “công cộng” được hiểu là thuộc về mọi người, hoặc phục vụ chung cho mọi người trong xã hội (Nguyễn Tôn Nhan, Phú Văn Hãn, 2013).

Theo quan điểm của nhóm tác giả, công trình PLCC có thể được hiểu là một sản phẩm được xây dựng dựa trên thiết kế bởi con người nhằm phục vụ mục đích chung trong đời sống xã hội. Theo định nghĩa trên, công trình PLCC có thể bao gồm những đặc điểm sau:

Thứ nhất, công trình PLCC được xây dựng để phục vụ mục đích chung.

Đặc điểm của công trình PLCC là các công trình đáp ứng nhu cầu dân sinh thiết yếu như các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... Các công trình này được xây

dựng vì mục đích cộng đồng, không phân biệt đối tượng sử dụng và không vì lợi ích cá nhân nào. Các dự án xây dựng của công trình PLCC có mục đích khác với các dự án của khu vực tư nhân. Trong khi các dự án của khu vực tư nhân được thúc đẩy bởi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Khi đưa ra quyết định về việc xây dựng hay mở rộng các công trình PLCC, phải dựa trên cơ sở phát sinh từ nhu cầu của cộng đồng và mục tiêu chính sách phúc lợi của nhà nước, chứ không đặt yếu tố thị trường hay khả năng thu lại lợi nhuận là mục tiêu chính. Đây là đặc điểm cốt lõi về bản chất của công trình PLCC, phân biệt rõ với các công trình xây dựng khác. Hiện nay, nhà nước đang hướng tới đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển các dịch vụ công cộng cơ bản, thiết yếu, tạo môi trường dẫn dắt, lôi kéo nguồn lực tư nhân theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” (Đoàn Minh Huân, 2023). Phương châm này là một hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu hướng phát triển của nước ta. Tuy nhiên, để tránh dẫn đến lãng phí NSNN hay dự án xây dựng chậm kém hiệu quả, thì nhà nước cần đầu tư có trọng điểm, tập trung vào mục đích chính là nhu cầu cầu thiết yếu của cộng đồng

Thứ hai, công trình PLCC phải được người dân tiếp cận một cách dễ dàng.

Đây được coi là đặc điểm hỗ trợ cho mục đích phục vụ cộng đồng của công trình PLCC. Đặc điểm dễ tiếp cận được thể hiện qua việc các công trình PLCC phải được bố trí tại những vị trí dễ nhận biết, có thiết kế thân thiện với mọi nhóm đối tượng sử dụng, đặc biệt là người khuyết tật, người già, phụ nữ mang thai và trẻ em (Đào Thị Hằng, 2013). Khả năng tiếp cận có thể nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau như thời gian, chi phí, khoảng cách và sự tiện lợi (Hyemin Cho et al, 2021). Ví dụ, dưới góc độ khoảng

cách, khả năng tiếp cận có thể hiểu là mức độ kết nối giữa một điểm cụ thể với tất cả các điểm còn lại trong một khu vực nhất định (Hyemin Cho et al, 2021), mức độ kết nối càng cao thì người dân càng dễ tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

Thứ ba, mục tiêu hoạt động của công trình PLCC không vì mục đích lợi nhuận.

Đây là đặc điểm thể hiện bản chất phi thương mại của công trình PLCC và cũng là một đặc điểm bổ sung để củng cố hơn cho đặc điểm phục vụ cộng đồng. Việc đầu tư, xây dựng và vận hành các công trình này chủ yếu dựa vào nguồn vốn NSNN, vốn viện trợ hoặc các nguồn tài trợ phi lợi nhuận, với mục tiêu chính là đảm bảo phúc lợi xã hội chứ không phải thu hồi vốn hay sinh lời như các công trình thương mại khác.

Có ý kiến cho rằng một số công trình công cộng thực hiện việc thu phí sẽ làm mất đi bản chất công trình PLCC không vì mục đích lợi nhuận. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả, việc thu phí trong quá trình sử dụng công trình công cộng không làm mất đi bản chất không vì mục đích lợi nhuận, vì ngay cả trong trường hợp có thu phí, thì khoản phí đó sẽ được đảm bảo ở mức “có thể giúp mọi người dễ dàng tiếp cận” và việc thu phí chỉ nhằm bù đắp chi phí duy trì hoạt động, bảo dưỡng, chứ không nhằm mục đích kinh doanh (Nguyễn Châu, 2023).

Sự gắn kết của ba đặc điểm trên không chỉ phản ánh bản chất xã hội của công trình PLCC, mà còn là cơ sở để đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận dịch vụ, thúc đẩy phát triển bền vững và củng cố phúc lợi quốc gia. Một công trình để được coi là mang tính PLCC thì cần phải đáp ứng cả ba đặc điểm này và việc thiếu đi một trong ba đặc điểm sẽ làm mất đi bản chất của công trình PLCC. Lấy ví dụ, nếu một công trình

phục vụ mục đích chung tuy nhiên nó lại quá khó để người dân có thể tiếp cận mặc dù nó vận hành vì mục đích phi lợi nhuận thì công trình đó cũng không đáp ứng điều kiện để được xem là một công trình PLCC (Stanisław Gasik, 2016).

2. Pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng

Điều 56 Hiến pháp 2013 quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đóng vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật trong bối cảnh nhu cầu phát triển các công trình PLCC được xem là một trong những biện pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội. Tiết kiệm, chống lãng phí không chỉ thể hiện trên lời nói, khẩu hiệu mà phải được “thực hành” một cách thường xuyên để trở thành một thói quen hành xử tích cực của mọi chủ thể, từ trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của quốc gia, trong đó bao gồm công trình PLCC (Vũ Văn Nhiêm, 2015). Vì các công trình này phần lớn được xây dựng với nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ yếu nên vì thế trong suốt quá trình quản lý và sử dụng các công trình này cần phải đạt hiệu quả, tránh lãng phí nguồn NSNN.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC được đề cập lần đầu tiên tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005 và tiếp tục được kế thừa tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013. Nội dung của các quy định pháp luật chủ yếu tập trung vào hai vấn đề chính bao gồm: *Đảm bảo việc sử dụng công trình PLCC đúng mục đích, đạt hiệu quả; Và công trình PLCC không đưa vào sử dụng, sử dụng kém hiệu quả phải bị thu hồi, giao cho cơ quan, tổ chức khác quản lý, sử dụng*. Ngoài ra, so với Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005, thì Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013 đã bỏ

sung thêm nội dung liên quan đến trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý, sử dụng công trình PLCC.

Đảm bảo việc sử dụng công trình PLCC đúng mục đích, đạt hiệu quả là một trong những ưu tiên hàng đầu trong mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, điều này dựa trên cơ sở Điều 56 Hiến pháp 2013 về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hoạt động kinh tế và quản lý nhà nước (QLNN).

Công trình PLCC có thể được sắp xếp thuộc nhóm các hoạt động QLNN vì đối chiếu với các đặc điểm của nó không bao gồm mục đích thu lợi nhuận nên vì thế nó không thể thuộc nhóm các hoạt động kinh tế. Ngoài ra, khoản 8 Điều 3 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013 quy định quá trình quản lý, sử dụng công trình PLCC luôn gắn với trách nhiệm báo cáo của người quản lý công trình PLCC trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Công trình PLCC không đưa vào sử dụng, sử dụng kém hiệu quả phải bị thu hồi, giao cho cơ quan, tổ chức khác quản lý, sử dụng.

Thu hồi công trình PLCC được xem là biện pháp nhằm hạn chế sự lãng phí do quá trình quản lý, sử dụng không đạt hiệu quả hoặc không đúng mục đích. Quy định này đã phản ánh một thực tế về vấn đề nhiều công trình PLCC hiện nay khi đã hoàn thành nhưng không được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả hoạt động kém đã dẫn đến sự lãng phí nguồn ngân sách đầu tư cho các công trình này.

Tuy nhiên, nếu so với tiêu chí sử dụng không đúng mục đích có thể được xác định thông qua việc kiểm tra, giám sát trong quá trình quản lý, sử dụng công trình PLCC thì căn cứ sử dụng kém hiệu quả theo quan điểm của nhóm tác giả lại tương đối khó xác

định. Vì để xác định mức độ hiệu quả của một công trình PLCC phải gắn liền với thời gian vận hành.

Nhìn chung, cả hai nội dung trên đều ghi nhận tính hiệu quả là một trong những cơ sở trong quản lý, sử dụng công trình PLCC (Rogério Moreno Perlingeiro *et al*, 2020). Tuy nhiên, việc đánh giá tính hiệu quả công trình PLCC hiện nay vẫn còn khó khăn vì chưa có một bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả đối với loại công trình này.

3. Bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng.

Sau hơn 10 năm thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013 liên quan đến quản lý, sử dụng công trình PLCC đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, và việc nhận diện các bất cập này là thật sự cần thiết nhằm làm cơ sở cho việc đưa ra các đề xuất xem xét sửa đổi pháp luật, góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng công trình PLCC. Các bất cập đó bao gồm:

Thứ nhất, pháp luật chưa có định nghĩa về công trình PLCC.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể khái niệm “công trình PLCC”. Tuy nhiên, một thuật ngữ được sử dụng phổ biến hơn trong các quy định pháp luật đó là “công trình công cộng”. Về mặt thực tiễn có thể hiểu công trình công cộng là một loại dự án cơ sở hạ tầng được đầu tư bằng NSNN hoặc được các doanh nghiệp trong và ngoài nước xây dựng nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của cộng đồng dân cư. Thuật ngữ “công trình công cộng” được đề cập tại Luật Xây dựng 2014* và Tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ - CP, trong đó liệt kê các loại công trình dân dụng và Nghị định này chỉ đề cập đến “công trình công cộng” chứ không

có định nghĩa về “công trình PLCC”. Việc pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa có sự định nghĩa về “công trình PLCC” nhưng tại pháp luật về xây dựng hiện đang tồn tại thuật ngữ “công trình công cộng” sẽ dẫn đến việc khó khăn trong việc áp dụng căn cứ xác định loại công trình này theo quy định của pháp luật. Vì vậy, có thể sử dụng thuật ngữ “công trình công cộng” thay cho thuật ngữ “Công trình PLCC” hay không.

Theo quan điểm của nhóm tác giả, nhóm tác giả cho rằng “công trình PLCC” và “công trình công cộng” nên được xem là một. Vì xét về bản chất, đây là các tài sản công mang yếu tố “PLCC” hướng đến cung cấp sự hỗ trợ vì một lợi ích chung của xã hội và bản thân “công trình công cộng” với mục đích được xây dựng nhằm phục vụ những lợi ích chung của con người nên bản thân thuật ngữ “công trình công cộng” đã thể hiện rõ yếu tố “phúc lợi” ngay bên trong nó (神野直彦, 2018). Và vì thế cần thiết phải có một định nghĩa nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả quản lý đối với loại tài sản đặc thù này.

Thứ hai, khó khăn trong việc xác định trách nhiệm đối với hành vi vi phạm trong pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC

Theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 ở Điều 44 quy định về Quản lý và sử dụng công trình PLCC và Điều 45 quy định về các hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng công trình PLCC. Cũng giống như việc thiếu một khái niệm “công trình PLCC” thì việc xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể gây lãng phí công trình PLCC cũng rất khó. Khi nhiều công trình PLCC ngày nay được tổ chức theo mô hình xã hội hóa, hoặc hợp tác đầu tư giữa nhà nước và tư nhân, hay nói cách khác có sự tham gia của cả nhà nước

và tư nhân trong quản lý vận hành công trình PLCC. Và nếu các công trình này rơi vào tình trạng xuống cấp, bỏ hoang, không vận hành được thì việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm là một điều không dễ dàng. Điều này tạo nên một bất cập lớn trong việc sử dụng thực hành tiết, kiệm chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC.

Điển hình như đề giải quyết tình trạng thiếu hụt bãi giữ xe hiện nay, TP. Hồ Chí Minh đã giao cho các doanh nghiệp thực hiện các bãi giữ xe ngầm nhưng suốt một thời gian dài cho đến nay các bãi xe này vẫn chưa được đưa vào sử dụng (Đức Phú, 2024). Trong trường hợp doanh nghiệp vận hành kém hiệu quả, để xảy ra tình trạng bỏ hoang, sử dụng sai mục đích hoặc không đáp ứng nhu cầu của người dân, việc xác định trách nhiệm pháp lý cụ thể thường gặp khó khăn. Nếu quy trách nhiệm hoàn toàn cho doanh nghiệp tư nhân thì chưa đầy đủ, bởi Nhà nước vẫn đóng vai trò là bên quản lý, giám sát, cấp phép. Ngược lại, nếu cho rằng trách nhiệm thuộc về cơ quan Nhà nước, thì lại phủ nhận vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp được giao khai thác, vận hành.

Ngoài ra về chế tài xử lý trách nhiệm trong trường hợp công trình PLCC được quản lý, sử dụng kém hiệu quả khi pháp luật hiện hành chưa có quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quản lý, sử dụng kém hiệu quả, không đúng mục đích đối với công trình PLCC.** Khoảng trống pháp lý này vô hình trung tạo ra sự ì ạch trách nhiệm giữa các bên, làm giảm hiệu quả QLNN, đồng thời khiến các công trình PLCC không đạt được mục tiêu đề ra, gây bức xúc xã hội và lãng phí nguồn lực. Vì vậy, cần phải có một quy định rõ ràng hơn về “công trình PLCC” cũng như các quy định về trách nhiệm đối với các đơn vị đầu tư,

quản lý, sử dụng các công trình này.

Thứ ba, nhiều công trình PLCC hiện nay vẫn không được đưa vào sử dụng, sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả mà chưa được xử lý đã dẫn đến gây lãng phí.

Ngoài bất cập về việc thiếu một định nghĩa về mặt pháp lý, thì thực trạng sử dụng, quản lý các công trình PLCC cũng còn nhiều bất cập khi nhiều công trình bị chậm hoặc không đưa vào khai thác, hay sử dụng sai mục đích còn diễn ra phổ biến gây lãng phí nghiêm trọng. Điều này có thể được cho là bắt nguồn từ việc thiếu một bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng công trình PLCC đối với hiệu quả về mặt kinh tế cũng như về lợi ích xã hội mà các công trình PLCC này mang lại.

Việc quản lý, sử dụng kém hiệu quả một số công trình PLCC tiêu biểu như trường học công lập hay các nhà vệ sinh công cộng đang là một trong những vấn đề gây bức xúc trong xã hội. Cụ thể, tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vấn đề tồn tại đó là tình trạng thiếu nhà vệ sinh công cộng tại nhiều nơi nhưng trên thực tế lại có rất nhiều nhà vệ sinh công cộng đóng cửa, hoặc đưa vào khai thác sử dụng nhưng không có quản lý, bảo trì dẫn đến tình trạng xuống cấp hư hỏng nặng, gây bức xúc cho người dân (Nhật Thịnh, 2023). Bên cạnh đó tồn tại công viên, như các công viên nước ở thành phố Hồ Chí Minh (Như Ngọc, Hồng Thắm, 2024) hay tình trạng một số trường công lập đã được xây dựng nhưng không thể đưa vào sử dụng do sự thiếu sót trong quá trình quy hoạch không đáp ứng lợi ích xã hội tại khu vực (Trần Thanh Phong, 2025; Đức Hạnh, 2024). Nhìn chung các công trình PLCC này không đáp ứng về mặt hiệu quả kinh tế đó là việc kinh phí đầu tư xây dựng, bảo dưỡng và thời gian vận hành không đáp ứng mục tiêu đặt ra, có thể lấy ví

dụ như một công trình PLCC bị xuống cấp nhanh hơn dự kiến và không được bảo dưỡng kịp thời sẽ dẫn đến không thể sử dụng là một trong những nguyên nhân dẫn đến lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình PLCC. Bên cạnh về mặt hiệu quả kinh tế, các công trình PLCC này cũng không đáp ứng điều kiện về lợi ích xã hội, đây là trường hợp một công trình PLCC không thể hiện được những đóng góp của nó đối với xã hội dẫn đến bị bỏ hoang, gây lãng phí NSNN trong việc duy trì, bảo dưỡng.

Ngoài ra, việc thu hồi đối với các công trình PLCC không được đưa vào sử dụng, sử dụng không đúng mục đích hoặc kém hiệu quả cũng không phải một điều dễ dàng (Võ Hải, 2025). Vì theo quy định của pháp luật, khi thực hiện việc thu hồi các công trình này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải giao cho một đơn vị khác quản lý và vì thế, cần phải có đơn vị đồng ý đứng ra quản lý đối với công trình này thì nhà nước mới có thể thực hiện. Và trên thực tế, việc đứng ra nhận trách nhiệm quản lý đối với một công trình đang có “bất cập” không phải là một điều dễ dàng.

Thực trạng trên cho thấy sự yếu kém trong công tác quản lý, giám sát và thiếu những cơ chế pháp lý đủ mạnh để xử lý dứt điểm các công trình bị bỏ hoang, lãng phí. Mà vấn đề nằm ở việc pháp luật hiện hành còn thiếu các quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể liên quan, quy trình xử lý đối với các công trình không được đưa vào sử dụng hoặc khai thác kém hiệu quả. Điều này không chỉ gây tổn thất về kinh tế mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến mỹ quan đô thị, môi trường sống và quyền lợi chính đáng của người dân. Do đó, cần thiết phải hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, sử dụng công trình PLCC theo hướng minh bạch, rõ ràng, đồng thời tăng cường cơ chế kiểm tra, giám

sát và xử lý trách nhiệm cụ thể nhằm khắc phục tình trạng lãng phí đang diễn ra nghiêm trọng hiện nay.

4. Kiến nghị hoàn thiện

Từ những phân tích bất cập trên, nhóm tác giả có những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối trong quản lý, sử dụng công trình PLCC như sau:

Thứ nhất, cần điều chỉnh thuật ngữ “công trình PLCC” và “công trình công cộng”. Theo đó, nhóm tác giả kiến nghị điều chỉnh các điều khoản quy định “*công trình PLCC*” thành “*công trình công cộng*”.

Thứ hai, cần bổ sung các quy định về xác định trách nhiệm đối với hành vi gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng công trình PLCC đối với các trường hợp công trình PLCC được nhà nước giao cho các tổ chức quản lý thông qua các hoạt động hợp tác công - tư đầu tư. Cụ thể, trong trường hợp này cần xác định các người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước là chủ thể chịu trách nhiệm trong phạm vi quản lý nhà nước đối với công trình PLCC, đó có thể là trách nhiệm hình sự. Đối với các tổ chức “tư” đóng vai trò khai thác, sử dụng công trình PLCC không hiệu quả mà không phải do sự kiện bất khả kháng thì phải chịu trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc thậm chí là trách nhiệm hình sự.

Đối với trách nhiệm hành chính, cần sửa đổi Điều 13 và 14 Nghị định 63/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung cụm từ “*công trình công cộng*” làm căn cứ để người có thẩm quyền xem xét, áp dụng các chế tài hành chính đối với chủ thể vi phạm, cụ thể như sau:

*“Điều 13. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công, **công trình công cộng** vào mục đích kinh*

doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết”

*“Điều 14. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản **công, công trình công cộng** theo quy định của pháp luật”*

Thứ ba, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công trình PLCC, qua đó làm cơ sở để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện việc giám sát, đánh giá hiệu quả của công trình PLCC nhằm nhanh chóng phát hiện, xử lý đối với các công trình không đạt hiệu quả, gây lãng phí NSNN. Bộ tiêu chí cần ghi nhận hai yếu tố bao gồm: *Tiêu chí thứ nhất liên quan đến hiệu quả kinh tế của công trình PLCC*, tiêu chí này gồm các quy định liên quan đến mối quan hệ giữa kinh phí xây dựng, bảo trì và thời gian vận hành công trình PLCC phải hợp lý, tránh trường hợp kinh phí xây dựng và bảo dưỡng “*quá lớn*” nhưng thời gian vận hành lại diễn ra trong một khoảng thời gian “*quá ngắn*”. Cần lưu ý, vì công trình PLCC mang đặc điểm là một công trình phục vụ mục đích chung, dễ tiếp cận nên khi xây dựng tiêu chí liên quan đến hiệu quả kinh tế, cần hạn chế sử dụng yếu tố lợi nhuận do công trình PLCC làm tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế của công trình PLCC. *Tiêu chí thứ hai liên quan đến lợi ích xã hội của công trình PLCC mang lại*, tiêu chí này có mối quan hệ gắn bó với các chủ thể trực tiếp sử dụng công trình PLCC như công trình giúp cải thiện chất lượng đời sống của người dân hay yếu tố bình đẳng trong việc mọi người đều được tiếp cận công trình PLCC.

Ngoài ra, việc cần một mốc thời gian để xác định hiệu quả của công trình trong trường hợp này là cần thiết nhằm tạo cơ sở về thời gian đánh giá hiệu quả của công trình. Lấy ví dụ, có thể đánh giá hiệu quả công trình thông qua 06 tháng hoặc 12 tháng,... làm căn cứ xác định hiệu quả về

mặt thời gian vận hành của công trình.

Kết luận

Nhìn chung, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã có những sự điều chỉnh khi từng bước đưa công trình PLCC trở thành một trong những nội dung được quy định tại một điều khoản cụ thể đã cho thấy nhà làm luật đang từng bước quan tâm đến vấn đề này. Trong bối cảnh đất nước

đang có những thay đổi hướng đến kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến công trình PLCC sẽ góp phần quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả nguồn NSNN cũng như đảm bảo cuộc sống ấm no, hạnh phúc và được hỗ trợ phát triển cho người dân.

Chú thích

* Khoản 3 Điều 4; Điểm a khoản 4 Điều 57; Khoản 1 Điều 81; Điểm a khoản 3 Điều 82 Luật Xây dựng 2014

** Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước chi quy định về chế tài hành chính đối với các hành vi vi phạm mục đích sử dụng tài sản công (Điều 13); không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật (Điều 14). Có thể thấy, trong hai điều, khoản trên chỉ đề cập chế tài đối với các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công mà không quy định đối với công trình PLCC sẽ kiến chủ thể có thẩm quyền xử phạt có thiên hướng “thận trọng” trong việc áp dụng chế tài hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về tiết kiệm, chống lãng phí đối với công trình PLCC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp 2013 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.
2. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.
3. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 48/2005/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.
4. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.
5. Nghị định 06/2021/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
6. Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước
7. Đào Thị Hằng (2013). Tiếp cận nhà chung cư, công trình công cộng và giao thông đối với người khuyết tật theo pháp luật Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, đặc san 10/2013, 54 - 62.
8. Đoàn Minh Huân (2023). Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội - Những vấn đề đặt ra cho phát triển xã hội số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng. *Tạp chí Cộng sản*, số 1011, 8 - 16.

9. Đức Phú (2024, ngày 28 tháng 02). *4 dự án bãi đậu xe ngầm án binh bất động cả chục năm, TP.HCM tổng rà soát*. Truy xuất từ: <https://tuoitre.vn/4-du-an-bai-dau-xe-ngam-an-binh-bat-dong-ca-chuc-nam-tp-hcm-tong-ra-soat-2024022818174544.htm>.
10. Trần Thanh Phong (2025, ngày 17 tháng 3). *Trường học xây dựng khang trang rồi bỏ hoang*. Truy xuất từ <https://thanhnien.vn/truong-hoc-xay-dung-khang-trang-roi-bo-hoang-185250316160622931.htm>.
11. Đức Hạnh (2024, ngày 07 tháng 11). *Trường xây dựng hơn 20 năm bị bỏ hoang*. Truy xuất từ: <https://vtv9.vtv.vn/truong-xay-dung-hon-20-nam-bi-bo-hoang>
12. Hyemin Cho et al. Accessibility of welfare facilities for elderly people in Daejeon, South Korea considering public transportation accessibility. *Transportation Research Interdisciplinary Perspectives*, Volume 12, 1 - 9.
13. Như Ngọc, Hồng Thắm (2024, ngày 15 tháng 5). *Lận đận số phận 2 công viên nước bị bỏ hoang ở TP.HCM*. Truy xuất từ: <https://plo.vn/lan-dan-so-phan-2-cong-vien-nuoc-bi-bo-hoang-o-tphcm-post790509.html>.
14. Nhật Thịnh (2023, ngày 04 tháng 02). *'Ốn lạnh' với nhà vệ sinh công cộng ở TP.HCM*. Truy xuất từ: <https://thanhnien.vn/on-lanh-voi-nha-ve-sinh-cong-cong-o-tphcm-185230203220451026.htm>.
15. Nguyễn Tôn Nhan, Phú Văn Hãn (2013). *Từ điển Tiếng Việt*. Tp. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản từ điển bách khoa.
16. Nguyễn Châu (2023, ngày 07 tháng 6). *TP.HCM: Nhiều nơi vận hành nhà vệ sinh công cộng có thu phí*. Truy xuất từ: <https://plo.vn/tphcm-nhieu-noi-van-hanh-nha-ve-sinh-cong-cong-co-thu-phi-post736776.html>.
17. Rogério Moreno Perlingeiro *et al* (2020). Sustainable Assessment of Public Works through a Multi-Criteria Framework. *Sustainability*, 12 (6896), 1 - 28.
18. Stanisław Gasik (2016). Are public projects different than projects in other sectors? Preliminary results of empirical research. *Procedia Computer Science*, 100 (2016), 399 - 406.
19. Võ Hải (2025, ngày 04 tháng 6). *Hơn 10 năm chưa xử lý xong sai phạm ở công viên Tuổi trẻ Thủ đô*. Truy xuất từ: <https://vnexpress.net/hon-10-nam-chua-xu-ly-xong-sai-pham-o-cong-vien-tuoi-tre-thu-do-4894436.html>.
20. Vũ Văn Nhiêm (2015). *Bình luận khoa học các điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*. Hà Nội, Nhà xuất bản Hồng Đức.
21. 吉村公夫 (2009). 「福祉」という言葉が意味する内容について考える. *人間文化研究*, 第 12 号, 79 - 84.
22. 神野直彦 (2018). 人間福祉学の思想と展望. *人間福祉学研究*, 第 11 巻第 1 号, 7-

Ngày nhận bài: 30/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 08/10/2025